

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 17/01/2024.
V/v Tranh chấp về hợp
đồng dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trịnh Đoàn Hạnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hiền**

Bà **Ngô Thị Luân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cường** – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 266/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Thạch Văn N**, sinh năm 1963

Bà **Bùi Thị H**, sinh năm: 1969

Địa chỉ: Số 38 thôn 3, xã ĐR, huyện DD, tỉnh LD.

- Bị đơn: Bà **Dương Thị Đ**, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Thôn Đ H, xã Đ Th, huyện LH, tỉnh LD.

Địa chỉ liên lạc: Trường Trung học cơ sở Đ Th, huyện LH, tỉnh LD.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Thôn Th T, xã ĐT, huyện LH, LD.

+ Anh **Thạch Đức H**, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Số 38 thôn 3, xã Đ R, huyện ĐĐ, tỉnh LĐ.

“Tại phiên tòa, ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H có mặt. Bà Dương Thị Đ, bà Đỗ Thị H, anh Thạch Đức H vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H trình bày: Ngày 07/8/2022 vợ chồng ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H có cho bà Dương Thị Đ vay số tiền 32.000.000đồng, bà Đ hẹn đến khi bà Đ nhận lương tháng tiếp theo thì bà Đ sẽ trả nợ, việc cho vay không tính lãi suất.

Ngày 14/10/2022 ông N, bà H cho bà Đ vay số tiền 60.000.000đồng, thời hạn trả nợ là ngày 14/12/2022, nếu đến thời hạn trả nợ mà bà Đ không trả thì phải chịu lãi 1,5%/tháng, hai bên có viết giấy vay tiền. Ngày 01/11/2022 bà Đ chuyển khoản qua tài khoản Thạch Đức H con trai ông N, bà H để trả cho ông N, bà H số tiền 7.000.000đồng; Ngày 07/11/2022 bà Đ chuyển khoản trả số tiền 13.000.000đồng nên khoản vay này bà Đ chỉ còn nợ ông N, bà H số tiền 40.000.000đồng. Ngày 09/01/2023 ông N, bà H đòi bà Đ số tiền 40.000.000đồng, do chưa có tiền trả nên bà H có dẫn bà Đ đến vay tiền của bà Đỗ Thị H để trả cho ông N, bà H. Bà Đ đã ký giấy vay của bà H 40.000.000đồng để trả cho ông N, bà H. Vì vậy, bà Đ không còn nợ ông N, bà H 40.000.000đồng mà bà Đ nợ bà H, số tiền này bà H đã khởi kiện bà Đ bằng vụ án khác.

Cùng ngày 09/01/2023 bà Đ có hỏi vay thêm ông N, bà H nên ông N, bà H có chuyển khoản cho bà Đ vay số tiền 11.000.000đồng thông qua tài khoản của anh Thạch Đức H.

Như vậy, tổng cộng bà Đ còn nợ ông N, bà H số tiền 43.000.000đồng gồm 32.000.000đồng vay ngày 07/8/2022 và 11.000.000đồng vay ngày 09/01/2023. Nay ông N, bà H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị Đ phải trả cho ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H số tiền 47.282.800đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm đồng) gồm nợ gốc là 43.000.000đồng và nợ lãi 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính là 4.282.800đồng. Ngoài ra, ông N, bà H không còn yêu cầu gì khác.

2. Trong lời khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Dương Thị Đ trình bày: Ngày 07/8/2022 bà Đ có vay của vợ chồng ông N, bà

H số tiền 32.000.000đồng, khi vay không thỏa thuận thời hạn trả và không thỏa thuận vay có lãi. Giấy vay ngày 07/8/2022 đúng là chữ ký chữ viết của bà Định.

Ngày 14/10/2022 bà Đ có ký giấy vay vay ông N , bà H số tiền 60.000.000đồng nhưng giấy này ghi gộp cả số tiền 32.000.000đồng vay ngày 07/8/2022 và ngày 14/10/2022 bà Đ chỉ vay 28.000.000đồng nhưng cộng chung ghi lại thành giấy vay 60.000.000đồng vào ngày 14/10/2022. Đến ngày 01/11/2022 bà Đ chuyển khoản qua tài khoản Thạch Đức H con trai ông N , bà H để trả cho ông N , bà H số tiền 7.000.000đồng; Ngày 07/11/2022 bà Đ chuyển khoản qua tài khoản Thạch Đức H con trai ông N , bà H để trả cho ông N , bà H số tiền 13.000.000đồng. Tổng cộng bà Đ trả 20.000.000đồng nên bà Đ chỉ còn nợ ông N , bà H số tiền 40.000.000đồng.

Ngày 09/01/2023 ông N , bà H làm nhà nên ông bà đòi bà Đ số tiền 40.000.000đồng, do chưa có tiền trả nên bà H có dẫn bà Đ đến vay tiền của bà Đỗ Thị H để trả cho ông N , bà H. Khi đến nơi thì bà H không đồng ý cho bà Đ vay vì bà H không biết bà Đ là ai mà bà H chỉ đồng ý cho bà H vay nên bà Đ không có vay được của bà H số tiền 40.000.000đồng, bà Đ không có tiền để trả cho ông N , bà H nên tính đến ngày 09/01/2023 thì bà Đ còn nợ ông N , bà H 40.000.000đồng, bà H yêu cầu bà Đ bắt đầu trả lãi trên số tiền 40.000.000đồng nên ngày 09/01/2023 bà Đ có trả 1.600.000đồng tiền lãi, sau đó bà Đ không trả nữa.

Cùng ngày 09/01/2023 bà Đ có hỏi vay thêm ông N , bà H nên ông N , bà H có chuyển khoản cho bà Đ vay số tiền 10.000.000đồng thông qua tài khoản của anh Thạch Đức H. Sau đó vài ngày tại nhà bà Đ thì bà Đ có trả cho ông N , bà H 4.000.000đồng, trả tiền mặt và giao trực tiếp cho ông N , bà H nhưng hai bên không viết giấy tờ gì với nhau.

Như vậy, tổng cộng bà Đ còn nợ ông N , bà H số tiền 46.000.000đồng. Nay ông N , bà H yêu cầu bà Dương Thị Đ phải trả cho ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H số tiền 47.282.800đồng (Bốn mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm đồng) gồm nợ gốc là 43.000.000đồng và nợ lãi 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án, tạm tính là 4.282.800đồng thì bà Đ đồng ý trả cho ông N , bà H. Ngoài ra bà Đ không còn yêu cầu gì khác.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Thạch Đức H trình bày: Anh Thạch Đức H là con trai của ông N , bà H nên ngày 01/11/2022 bà Đ có chuyển khoản trả cho ông N , bà H 7.000.000đồng và 07/11/2022 bà Đ có

chuyển khoản trả cho ông N , bà H số tiền 13.000.000đồng thông qua tài khoản của anh Thạch Đức H. Ngày 09/01/2023 bà Đ vay của bà Đỗ Thị H 40.000.000đồng để trả cho ông N , bà H nên có chuyển vào số tài khoản của anh Hà 40.000.000đồng, cùng ngày 09/01/2023 ông N bà H lại yêu cầu anh Hà chuyển cho bà Đ vay 11.000.000đồng. Anh Hà bị mất điện thoại và mất thẻ ngân hàng nên anh Hà không nhớ số tài khoản để cung cấp cho Tòa án vì anh Hà không còn sử dụng số tài khoản này. Anh Hà không liên quan gì đến việc vay tiền nên anh Hà không có yêu cầu gì trong vụ án này, anh Hà làm công nhân nên anh Hà không thể đi đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa nên anh Hà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh Hà.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị H trình bày:

Ngày 09/01/2023 bà Bùi Thị H có dẫn bà Dương Thị Đ đến nhà bà H để vay tiền nhưng bà H không quen biết bà Định, bà H giới thiệu là người quen của bà H có gì thì bà H chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H nếu như bà Đ không trả được nợ. Vì tin tưởng bà H nên bà H đồng ý cho bà Đ vay 40.000.000đồng, khi vay tiền có viết giấy vay tiền có chữ ký của bà Đ và bà Hòe, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Sau đó bà H đã chuyển 40.000.000đồng cho bà Định, bà Đ xác nhận đã nhận đủ tiền và bà Đ trả trước cho bà H 02 tháng tiền lãi là 1.800.000đồng. Sau đó bà Đ không trả lãi cho bà H nên từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/8/2023 bà H trả lãi cho bà H . Nay bà H không có ý kiến gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án triển khai đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H khẳng định do bà Dương Thị Đ là cô giáo của con trai ông bà, bà Đ cũng có hoàn cảnh khó khăn nên ông N , bà H chỉ yêu cầu bà Đ trả 42.000.000đồng tiền nợ gốc, ông N bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; các đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

khởi kiện của ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H . Buộc bà Dương Thị Đ phải trả cho bà ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H số tiền nợ gốc là 42.000.000đồng. Đình chỉ yêu cầu trả lãi của ông N , bà Hòe. Buộc bà Đ phải chịu án phí theo quy định. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Hòe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Dương Thị Đ , bà Đỗ Thị H, anh Thạch Đức H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bà Dương Thị Đ , bà Đỗ Thị H, anh Thạch Đức H theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H và bà Dương Thị Đ xác định ngày 07/8/2022, ngày 14/10/2022, ngày 09/01/2023 vợ chồng ông N , bà H có cho bà Dương Thị Đ vay tiền nhưng đến thời hạn trả nợ bà Đ không trả dứt điểm nợ vay mà chỉ trả được một phần nên ông N , bà H khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả cho ông bà số tiền nợ gốc là 43.000.000đồng và nợ lãi theo quy định. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 463 Bộ luật Dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tài liệu chứng cứ ông N , bà H đi khởi kiện là bản chính giấy vay tiền ngày 07/8/2022 thể hiện ông N , bà H có cho bà Đ vay số tiền 32.000.000đồng (BL 52); Bản chính giấy vay tiền ngày 14/10/2022 thể hiện ông N , bà H có cho bà Đ vay số tiền 60.000.000đồng (BL 51). Ngoài ra ông N , bà H xác định ngày 09/01/2023 ông N , bà H có chuyển khoản cho bà Đ vay số tiền 11.000.000đồng thông qua tài khoản của anh Thạch Đức H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông N , bà H xác định bà Đ đã trả toàn bộ khoản vay 60.000.000đồng ngày 14/10/2022 còn lại 32.000.000đồng vay ngày 7/8/2022 và 11.000.000đồng vay ngày 09/01/2023 thì bà Đ chưa trả nên ông N , bà H yêu cầu bà Đ phải trả số tiền trên.

Bà Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong lời khai của mình bà Đ đồng ý trả nợ cho ông N , bà H nhưng số tiền vay ngày 14/10/2022, ngày 09/01/2023 và việc trả nợ thì bà Đ không đồng ý theo ý kiến của ông N , bà H.

Qua xem xét tổng hòa các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai thừa nhận của các bên đương sự thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[3.1.] Đối với số tiền 32.000.000đồng vay ngày 07/8/2022 thì bà Dương Thị Đ thừa nhận có vay số tiền trên (BL42), chữ ký chữ viết trong giấy vay tiền đúng là của bà Đ nên có cơ sở xác định ngày 07/8/2022 bà Đ có vay của ông N , bà H số tiền 32.000.000đồng nên buộc bà Đ phải trả cho ông N , bà H số tiền 32.000.000đồng là phù hợp.

[3.2.] Đối với số tiền 60.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 14/10/2022 thì: Ông N , bà H khẳng định ngày 14/10/2022 ông bà cho bà Đ vay 60.000.000đồng. Bà Đ cho rằng ngày 14/10/2022 bà Đ chỉ vay 28.000.000đồng nhưng ông N , bà H ghi gộp số tiền 32.000.000đồng vay ngày 07/8/2022 thành giấy vay tiền ngày 14/10/2022 là 60.000.000đồng. Ông N , bà H không thừa nhận có việc ghi gộp như bà Đ khai và trong giấy vay cũng không thể hiện việc ghi gộp chung như bà Đ khai nên Tòa án đã yêu cầu bà Đ nộp chứng cứ chứng minh ngày 14/10/2022 bà Đ chỉ vay 28.000.000đồng nhưng bà Đ không nộp chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình là có cơ sở, trong khi đó bà Đ lại thừa nhận giấy vay ngày 14/10/2022 đúng là chữ ký, chữ viết của bà Đ nên bà Đ cho rằng ghi gộp là không có cơ sở. Vì vậy, cần xác định ngày 14/10/2022 ông N , bà H cho bà Đ vay số tiền 60.000.000đồng là phù hợp.

[3.3] Đối với việc trả nợ số tiền 60.000.000đồng vay ngày 14/10/2022 thì thấy rằng: Ông N , bà H, bà Đ và anh Hà đều thừa nhận ngày 01/11/2022 bà Đ có trả 7.000.000đồng, ngày 07/11/2022 bà Đ trả 13.000.000đồng. Còn lại 40.000.000đồng thì ông N , bà H cho rằng ngày 09/01/2023 ông N , bà H đòi bà Đ nhưng do bà Đ chưa có tiền trả nên bà H có dẫn bà Đ đến vay của bà Đỗ Thị H để trả cho ông N , bà H nên bà Đ đã ký vay của bà H để trả cho ông N , bà H 40.000.000đồng thể hiện qua giấy vay tiền bà Đ ký với bà H (BL 08), bà Đ khai bà H không đồng ý cho bà Đ vay nên bà Đ không có tiền để trả cho ông N , bà H nhưng bà Đ lại thừa nhận có việc ký vào giấy vay tiền ngày 09/01/2023 với bà H .

Ngoài ra, bà Đ lại thừa nhận cùng ngày 09/01/2023 bà Đ có vay của ông N , bà H số tiền 10.000.000đồng, cho nên nếu ngày 09/01/2023 bà Đ không trả

số tiền 40.000.000đồng mà ông N , bà H lại tiếp tục cho bà Đ vay tiền là vô lý. Đồng thời, qua làm việc với bà H thì bà H cũng thừa nhận ngày 09/01/2023 bà H có cho bà Đ vay 40.000.000đồng, việc tranh chấp hợp đồng vay giữa bà H và bà Đ đã được Tòa án thụ lý bằng vụ án khác nên bà H không có yêu cầu gì trong vụ án này. Ông N , bà H cũng xác định ngày 09/01/2023 bà Đ vay 40.000.000đồng của bà H để trả cho ông N , bà H nên ông N , bà H không yêu cầu bà Đ phải trả số tiền 40.000.000đồng. Như vậy, toàn bộ khoản vay 60.000.000đồng ngày 14/10/2022 bà Đ đã trả cho ông N , bà H. Ông N , bà H không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3.4] Đối với số tiền 11.000.000đồng vay ngày 09/01/2023 thì hai bên không có viết giấy tờ vay với nhau và theo hai bên thì việc vay tiền thông qua hình thức chuyển khoản nhưng bà Đ thừa nhận vay số tiền 10.000.000đồng chứ không phải 11.000.000đồng như ông N , bà H khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu ông N , bà H cũng như con của ông N , bà H là anh Thạch Đức H cung cấp sao kê việc chuyển khoản cho vay số tiền trên nhưng ông N , bà H, anh Hà khai do lâu ngày nên thông tin tài khoản đã bị mất nên không cung cấp được cho Tòa án. Tại phiên tòa, ông N , bà H thống nhất yêu cầu bà Đ phải trả 10.000.000đồng theo lời thừa nhận của bà Đ. Như vậy, xác định ngày 09/01/2023 bà Đ vay của ông N , bà H số tiền 10.000.000đồng theo lời thừa nhận nợ của bà Đ là phù hợp.

[3.5] Đối với việc trả nợ số tiền vay ngày 09/01/2023 thì thấy rằng: Bà Đ cho rằng sau khi vay 10.000.000đồng ngày 09/01/2023 vài ngày thì bà Đ có trả cho ông N , bà H số tiền 4.000.000đồng nhưng hai bên không viết giấy tờ gì với nhau. Ông N , bà H không thừa nhận có việc bà Đ trả cho ông bà số tiền 4.000.000đồng, bà Đ đã được thông báo nộp chứng cứ chứng minh có việc trả nợ nhưng bà Đ không nộp. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận có việc trả số tiền 4.000.000đồng theo lời khai của bà Đ.

Từ những nhận định phân tích nêu trên cần xác định bà Đ còn nợ ông N , bà H 32.000.000đồng vay ngày 07/8/2022 và 10.000.000đồng vay ngày 09/01/2022 nên buộc bà Đ phải trả cho ông N , bà H số tiền 42.000.000đồng.

[3.6] Đối với yêu cầu trả lãi thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông N , bà H có yêu cầu bà Đ phải trả lãi theo lãi suất quy định. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông N , bà H khẳng định do bà Đ

là cô giáo của con trai ông bà, bà Đ cũng có hoàn cảnh khó khăn nên ông N , bà H chỉ yêu cầu bà Đ trả nợ gốc, ông bà không yêu cầu bà Đ phải trả lãi nên ông N , bà H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của ông N , bà H nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi là phù hợp.

[4] Đối với bà Đỗ Thị H và anh Thạch Đức H không có yêu cầu gì trong vụ án này nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N , bà H nên buộc bà Đ phải chịu 2.100.000đồng (42.000.000đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền bà Đ phải trả cho ông N , bà Hòe.

Quá trình giải quyết vụ án ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên ông N không phải nộp tạm ứng án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Hòe.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bà Dương Thị Đ .

Buộc bà Dương Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H số tiền 42.000.000đồng (Bốn mươi hai triệu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Văn N, bà Bùi Thị H đối với bà Dương Thị Đ về việc yêu cầu trả lãi số tiền 4.282.800đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi hai ngàn, tám trăm đồng).

3. Về án phí: Buộc bà Dương Thị Đ phải chịu 2.100.000đồng (Hai triệu một trăm ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Bùi Thị H số tiền 591.000đồng (Năm trăm chín mươi một ngàn đồng) tạm ứng án phí bà Bùi Thị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004273 ngày 07/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2024) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trịnh Đoàn Hạnh Trang